Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH LONG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 05 - 11 - 2026 17:13:14

PHỤ LỤC 01 (NĂM 2026)

KINH PHÍ TIỀN, QUÀ CHÚC THỌ, MỪNG THỌ NCT NĂM 2026 TRÒN 90 VÀ 100 TUỔI

(Kèm theo Báo cáo số: 492 /BC -UBND ngày 05 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Minh Long)

STT	Thôn,	Chia ra theo độ tuổi (ĐVT: Người)		Tổng số tiền	Chia ra kinh phí tiền, quà và tổ chức chúc thọ, mừng thọ *(ĐVT: Ngàn đồng)*		Kinh phí tổ chức *(ĐVT:Ngàn đồng)*
		Tròn 90 tuổi	Tròn 100 tuổi		Tròn 90 tuổi	Tròn 100 tuổi	
1	Thôn Thanh An		1	1,600,000		1,600,000	
2	Thôn Long Hiệp	3		2,700,000	2,700,000		
3	Thôn Long Xuyên	1		900,000	900,000		
4	Thôn Long An	2		1,800,000	1,800,000		
5	Thôn Long Thanh	2		1,800,000	1,800,000		
6	Thôn Làng Ren	1		900,000	900,000		
	TỔNG CỘNG II	**9**	**1**	**9,700,000**	**8,100,000**	**1,600,000**	**530,000**

PHỤ LỤC 02 (NĂM 2026)

KINH PHÍ CHÚC THỌ, MỪNG THỌ NCT NĂM 2026 TRÒN 70; 75; 80; 85; 95 VÀ TRÊN 100 TUỔI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã Minh Long)

STT	Thôn	Chia ra theo độ tuổi (ĐVT: Người)						Tổng số tiền	Chia ra kinh phí theo độ tuổi (ĐVT: ngàn đồng)				Tổng kinh phí tổ chức
		70 tuổi	75 tuổi	80 tuổi	85 tuổi	95 tuổi	Trên 100		70 và 75 tuổi	80 và 85 tuổi	95 tuổi	Trên 100	
1	Thôn Long Môn	2	1	1	1	1		3,600,000	1,500,000	1,200,000	900,000		
2	Thôn Long Xuyên	2	1	4	5		1	8,400,000	1,500,000	5,400,000		1,500,000	
3	Thôn Long Hiệp	19	7	5	2	2		19,000,000	13,000,000	4,200,000	1,800,000		
4	Thôn Long Thanh	11	7	2	1	1		11,700,000	9,000,000	1,800,000	900,000		
5	Thôn Thanh An	8	3	1	2			7,300,000	5,500,000	1,800,000			
6	Thôn Long An	2	3		1			3,100,000	2,500,000	600,000			
7	Thôn Làng Ren			1				600,000		600,000			
8	Thôn Hà Bôi			4				2,400,000		2,400,000			
9	Thôn Cà Xen	1						500,000	500,000				
	TỔNG CỘNG	**45**	**22**	**18**	**12**	**4**	**1**	**56,600,000**	**33,500,000**	**18,000,000**	**3,600,000**	**1,500,000**	**5,406,000**